

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/QĐXXST-KDTM, ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên B; Địa chỉ: Số B, đường Đ, phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Chương C, sinh năm 1977; Chức vụ: Tổng giám đốc; Người được ủy quyền: Bà Võ Kim Y, sinh năm 1987; Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên B.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V; Địa chỉ: Số A, đường Đ, tổ E, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988; chức vụ: Giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt bà **Võ Thị Kim Y1**, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2019 **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên B** và **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V** ký thỏa thuận ký Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V** đã không thanh toán các khoản chi phí cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B** theo quy định tại khoản 3 của Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD. Trong đó, tính đến ngày 16/6/2020 **Công ty Trách nhiệm hữu hạn V** nợ tiền mặt bằng quầy vé từ tháng 3/2020 đến tháng 5/2020 là 27.233.508 đồng. Ngày 27/6/2020 **công ty TNHH V** thanh toán được số tiền 13.301.608 đồng và được cân trừ công nợ do thu hồi hóa đơn 0009978 (29/4/2020) là 3.126.900 đồng. Nên còn nợ lại số tiền 10.805.000 đồng; Đến ngày 30/6/2020 **công ty TNHH V** nợ tiền mặt bằng quầy vé tháng 6/2020 số tiền 9.724.5000 đồng; Đến ngày 31/7/2020 **công ty TNHH V** nợ tiền mặt bằng quầy vé tháng 6/2020 số tiền 10.805.000 đồng. Tổng số tiền **công ty V** nợ tiền mặt bằng quầy vé là 31.334.500 đồng. Để đảm bảo hai bên thực hiện đúng nội dung Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD mà các bên đã tham gia ký kết **Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B** đã nhiều lần liên hệ, gửi văn bản, mặc dù đã nhận được nhưng **công ty Trách nhiệm hữu hạn V** vẫn không thực hiện. Do đó, **Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B** khởi kiện yêu cầu **Công ty Trách nhiệm hữu hạn V** phải thanh toán số tiền nợ 31.334.500 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V**:*

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện phản tố, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Tại Công văn số 253/CV-ĐKKD, ngày 28/6/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh Sơ kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận (bút lục số 70) thể hiện:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V mã số doanh nghiệp 3401195506 được Phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 15/10/2019. Đến thời điểm hiện tại Phòng đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, tạm ngừng hoạt động, giải thể của Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.

Tại biên bản xác minh bút lục số 101 thể hiện:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V hiện nay vẫn có trụ sở tại số A, đường Đ, tổ E, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu và thường xuyên sinh sống tại số A, đường Đ, tổ E, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại biên kết quả cung cấp thông tin của Công an thị trấn Đ, huyện Đ (bút lục số 73) thể hiện:

Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988; có hộ khẩu thường trú tại số A, đường Đ, tổ E, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay cư trú tại số A, đường Đ, tổ E, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên B số tiền 31.334.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V có địa chỉ trụ sở tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 513 Bộ luật dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V không có ý kiến, cũng không tham gia, làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung vụ án, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[5] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V phải trả số tiền nợ 31.344.500 đồng; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD, được ký kết ngày 31/12/2019 giữa Công ty trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên B và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V, Sổ chi tiết công nợ một khách hàng kỳ báo cáo: 01/01/2020-28/07/2022 tài khoản: 1311-phải thu của khách hàng theo Hóa đơn, Khách hàng: TNHOAIAN-Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V; Văn bản số 807/BXMD-KHVT,

ngày 27/8/2020 về việc đề nghị Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V thanh toán nợ quá hạn; Thông báo số 1270/TB-BXMD, ngày 28/10/2020 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng (lần 2); Thông báo số 1309/TB-BXM, ngày 30/10/2020 về việc đơn phương chấm dứt khai thác dịch vụ tại Bến xe M; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/01/2022; Văn bản số 568/BXMD-KHVT, ngày 10/3/2022 về việc đề nghị Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V thanh toán nợ quá hạn (lần 2), kèm theo báo phát cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V; Văn bản số 1306/BXMD-KHVT, ngày 29/4/2022 về việc đề nghị Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V thanh toán nợ quá hạn (lần 3), kèm theo phiếu báo phát Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022, kèm theo phiếu báo phát Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V.

Đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ “Thông báo về việc thụ lý vụ án”, “Thông báo kết quả phiên họp” cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V. Nhưng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V không phản đối, cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Do đó có cơ sở xác định ngày 31/12/2019 giữa Công ty trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên B và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V có ký kết Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD.

Theo đại diện nguyên đơn sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn V ký kết Hợp đồng khai thác dịch vụ quầy bán xé xe khách số 135/2020/HĐ-BXMD tính đến ngày 31/7/2020 còn dư nợ số tiền 31.334.500 đồng, từ đó đến nay không phát sinh thêm và chưa thanh toán. Quá trình tổ tụng Công ty Trách nhiệm hữu hạn V không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B số tiền 31.344.500 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B không yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải trả tiền lãi chậm thanh toán, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[9] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 468, 513, 515, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên B.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V phải trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên B số tiền 31.344.500 đồng (*Ba mươi một triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên B số

tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018987, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

